

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM PHƯƠNG TIỆN
GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ VÀ ĐƯỜNG SẮT
VIETNAM REGISTER
NATIONAL VEHICLE INSPECTION AND
CERTIFICATION CENTER
Số (N^o): 26KMC/225403



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

**GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE MÁY CHUYÊN DÙNG NHẬP KHẨU**
(Certificate of conformity from inspection of technical safety quality and environmental
protection for imported transport construction machinery-TCM)

Tình trạng xe máy chuyên dùng (TCM's status): Đã qua sử dụng

Người nhập khẩu (Importer): CÔNG TY TNHH TÂM MINH NGUYỄN

Địa chỉ (Address): Số 60C, Đường số 22 tháng 12, khu phố Lộc Du, Phường Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Loại xe máy chuyên dùng (TCM's type): Xe lu rung

Nhãn hiệu (Trade mark): BOMAG

Tên thương mại (Commercial name): BW61YS

Số khung (Chassis N^o): N61228042

Nước sản xuất (Production country): JAPAN

Số tờ khai hàng hóa nhập khẩu/ngày (Customs declaration N^o/date): 107999065161/25/02/2026

Số biên bản kiểm tra (Inspection record N^o): 003453/26MC-026/002

Thời gian/Địa điểm kiểm tra (Inspection date/site): 20/04/2026 / Thành phố Hồ Chí Minh

Số đăng ký kiểm tra (Registered N^o for inspection): 003453/26MC

Mã kiểu loại (Model code): BW61YS

Màu xe (Vehicle color): Vàng

Số động cơ (Engine N^o): 043132

Năm sản xuất (Production year): Không xác định

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN
(Major technical specification)

Khối lượng bản thân (Kerb mass):	580	kg
Kích thước bao: Dài x Rộng x Cao (Overall dimensions: L x W x H):	2435 x 650 x 1150	mm
Ký hiệu, loại động cơ (Engine model, engine type):	NFAD6-EKB, 4 kỳ, 1 xi lanh	
Loại nhiên liệu (Fuel):	Diesel	
Công suất lớn nhất của động cơ/ tốc độ quay (Max. engine output/ rpm):	3,9/2500	kW/rpm
Vận tốc di chuyển lớn nhất (Max travelling speed):	3,5	km/h

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐẶC TRƯNG
(Special technical specification)

Lực rung lớn nhất (Max vibration force):	9,8	kN
Biên độ rung (Vibration amplitude):	---	mm
Tần số rung (Vibration frequency):	55	Hz
Số lượng/Kích thước bánh lu trước (Quantity/Front roller size):	01/352x600	-/mm
Số lượng/Kích thước bánh lu sau (Quantity/Rear roller size):	01/352x600	-/mm

Xe máy chuyên dùng đã được kiểm tra và đạt yêu cầu theo quy định của Thông tư số 54/2024/TT-BGTVT, ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

This TCM has been inspected and satisfied with requirements of the Circulars N^o 54/2024/TT-BGTVT issued on November 15th, 2024 by Minister of Ministry of Transport.

Hà Nội, ngày 21 tháng 04 năm 2026

Cơ quan chứng nhận

(Certification body)

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM

PHÓ GIÁM ĐỐC



Ký bởi: TRUNG TÂM ĐĂNG
KIỂM PHƯƠNG TIỆN GIAO
THÔNG ĐƯỜNG BỘ VÀ
ĐƯỜNG SẮT
Email: nvicc@vr.org.vn
Cơ quan: CỤC ĐĂNG KIỂM
VIỆT NAM, BỘ XÂY DỰNG
Thời gian: 21/04/2026
14:40:47

Hoàng Quân

Ký bởi: Hoàng Quân

Email:

quanh.vr@mt.gov.vn

Cơ quan: CỤC ĐĂNG

KIỂM VIỆT NAM, BỘ

XÂY DỰNG

Thời gian:

21/04/2026 14:40:46

Lưu ý: Giấy chứng nhận này sẽ không còn giá trị nếu chất lượng của phương tiện đã kiểm tra bị ảnh hưởng do vận chuyển, bảo quản, bóc xếp v.v...
Note: This certificate will be expired if quality of the inspected motor vehicle is influenced by carrying, landing, storing, etc...

CQ A 3860016